

Từ Những Bài Học Đắt Giá Của Lịch Sử Cận Đại Đến Những Triển Vọng Của Tương Lai

LS Lê Trọng Quát



Tháng 8 năm 1945, đệ nhị Thế chiến hoàn toàn chấm dứt từ Âu sang Á. Cuộc chiến ác liệt kéo dài năm năm cùng với những hành động có tính cách diệt chủng đã để lại không kể xiết điêu tàn tang tóc. Nhiều đô thị và trung tâm chiến lược ở Đức, Nga Sô và Nhật Bản đã trở thành những bãi chiến trường đổ nát hay những cánh đồng ma quái với cả trăm ngàn người chết cùng lúc dưới bom nguyên tử hay những trận mưa bom. Nhưng rồi hoà bình đã đến. Nhân loại vừa thoát khỏi một cơn ác mộng dài thở phào nhẹ nhõm. Một bình minh rạng rỡ đang dâng lên chan hòa muôn ánh hào quang và hy vọng như bừng sống lại khắp nơi. Ngoại trừ một chỗ: Việt Nam, nơi sự bất hạnh dồn tụ lại như bao nhiêu tầng mây đen cùng nhau kéo đến che phủ một góc trời. Một nước Việt Nam trước đây gần như đứng ngoài cuộc chiến. Thật vậy, dù ác chiến diễn ra trên Thái Bình Dương giữa Mỹ, Nhật, Đông Dương vẫn tương đối được yên ổn với thỉnh thoảng vài vụ oanh tạc nhỏ của Không lực Hoa Kỳ vào các vị trí và đường giao thông bị nghi ngờ có quân đội Nhật qua lại. Nay, giữa tháng tám 1945, Nhật Bản vừa đầu hàng, chiến tranh thế giới hoàn toàn chấm dứt thì Việt Nam lại lên cơn sốt dữ dội.. Toàn thân rung động vì chưa hồi phục được sau một nạn đói, chết hơn cả triệu người ở Miền Bắc của đất nước. Một cơn sốt

chính trị chưa từng xảy ra vì cho đến bây giờ dân Việt chưa có lúc nào được quyết định số phận của mình trong suốt tám mươi năm dưới sự đô hộ của Pháp. Tháng tám 1945, cuộc nội chiến Việt Nam bắt đầu. Cuộc nội chiến giữa hai phe quốc cộng với cả khối Công sản quốc tế lần lượt đứng sau lưng cộng sản Việt Nam như một hậu cứ vững chắc và bền bỉ trong lúc vài nước Tây phương đứng đầu là Hoa Kỳ hỗ trợ phe quốc gia chiến đấu để bảo vệ tự do cho dân tộc Việt Nam chống lại sự bành trướng của Đế quốc đỏ bằng bạo lực của một cuộc xâm lăng công khai và trực diện. Ba mươi năm sau, đúng ngày 30 tháng tư 1975, cuộc nội chiến chấm dứt trên bình diện quân sự. Cộng sản hoàn tất cuộc xâm lăng Miền Nam, thực hiện mục tiêu bá chủ nước Việt Nam, khống chế cả bán đảo Đông Dương. Cũng đúng ba mươi năm sau ngày thôn tính Miền Nam, cộng sản Việt Nam «trên quý» hơn bao giờ cả những người Việt quốc gia ở hải ngoại, những «khúc ruột ở xa ngàn dặm» đã đổ tiền về để cứu giúp đồng bào và quê hương nghèo khổ, có lúc gần suy sụp dưới sự thống trị của họ. Những Việt kiều ở nước ngoài mà những năm trước đây họ còn xem như thù địch và gán cho đủ mọi danh từ xấu xa nhất trong kho tàng văn chương tụyệt vời của họ.

Ba mươi năm nội chiến quốc cộng được tiếp tục bởi ba mươi năm của một cuộc đổi đời và cuộc «đại chiến thẳng mùa Xuân 1975» đã thành công lớn lao trong sự nghiệp. đào được một cái hố sâu thẳm thẳm để chôn vùi tương lai của cả dân tộc. Không thể nào làm khác hơn, năm 1986, cộng sản buộc lòng «đổi mới » để mong thoát cảnh khốn cùng vô phương cứu chữa ngoại trừ một phương độc nhất là chối bỏ chủ nghĩa của họ, một chủ nghĩa mà họ đã thờ phụng và không ngần ngại hy sinh xương máu của đồng bào để phục vụ cho đến khi mộng vỡ tan tành. Phương độc nhất ấy là chạy theo kẻ cự thù để quốc tư bản, áp dụng chính sách kinh tế thị trường của chúng nó và van xin đủ mọi thứ, khắp mọi nơi. Không theo không được vì đây là sinh lộ cuối cùng sau khi con đường cách mạng, bạo lực và chiến tranh kéo dài ba mươi năm mà đảng Cộng sản Việt Nam vạch ra đã rõ ràng là một tử lộ cho toàn dân Việt. Đây là bài học lớn nhất, đắt giá nhất, dành cho người cộng sản Việt Nam bên cạnh những bài học khác mà những người quốc gia chúng ta cần suy nghiệm, và sau cùng, những bài học mà Hoa Kỳ cũng như giới trí thức và ngụy trí thức tả khuynh Tây phương nên thành khẩn và

khêm cung học hỏi để cho lịch sử đừng tái diễn, tránh được phần nào khổ đau cho nhân loại.

I. NHỮNG BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ CẬN ĐẠI THEO THỨ TỰ THỜI GIAN CỦA CÁC BIẾN CỐ TỪ 1945

A- Giai Đoạn 1945 – 1954: Từ Độc Lập Đầu Tiên Đến Chia Đôi Đất Nước

Những Nét Chính Của Tình Hình :

1- Các Biến Cố Từ gần 9 giờ tối mùng 9 tháng 3, 1945, trên toàn cõi Đông Dương, quân đội Nhật (còn gọi là quân đội Thiên Hoàng) bất ngờ tấn công cùng lúc các cơ quan đầu não của chính quyền Pháp, các cơ sở quân sự, và cuộc kháng cự của quân Pháp không kéo dài quá một ngày ngoại trừ vài cánh quân thoát được sang Trung Hoa. Ngày 10 tháng 3, đại diện Nhật Hoàng, Đặc sứ Yokohama đến loan báo cho Vua Bảo Đại quyết định của Nhật trao hoàn độc lập cho Việt Nam, tạm thời giới hạn ở Bắc và Trung Kỳ, riêng Nam Kỳ thì Nhật tạm thời kiểm soát cho đến khi hết chiến tranh. Ngày 12 tháng 3, Vua Bảo Đại trao cho đặc sứ Nhật bản tuyên cáo độc lập của nước Việt Nam. Nhà Vua nhờ nhà chức trách Nhật tìm ông Ngô Đình Diệm để mời lập chính phủ nhưng sau ba tuần lễ, đặc sứ Nhật cho biết không tìm được. Thực ra, Nhật không muốn ông Diệm làm Thủ tướng vì biết chắc ông Diệm không phải là người dễ nhượng bộ, dễ thỏa hiệp, có thể gây trở ngại cho họ sau này. Ngày 17 tháng 4, ông Trần Trọng Kim, thanh tra tiểu học, lập chính phủ. Ông Kim bị Pháp dọa bắt nên được Nhật đưa sang Singapour tạm trú, nay được Nhật mang về giới thiệu với Vua Bảo Đại. Đây là chính phủ đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, qui tụ nhiều nhân vật trí thức khoa bảng như luật sư Trần Văn Chương, Bộ trưởng Ngoại giao, luật sư Vũ Văn Hiến, Bộ trưởng Tài chánh, luật sư Trịnh đình Thảo, Bộ trưởng Tư pháp, bác sĩ Hồ Tá Khanh, Bộ trưởng Kinh tế, Thạc sĩ Hoàng Xuân Hãn, Bộ trưởng Giáo dục, luật sư Phan Anh, Bộ trưởng Thanh niên, bác sĩ Vũ Ngọc Anh, Bộ trưởng Y tế và Cứu tế Xã hội, Kỹ sư Lưu Văn Lang, Bộ trưởng Công chánh, Giao thông, y sĩ Trần đình Nam, Bộ trưởng Nội vụ, y sĩ Nguyễn hữu Thí, Bộ trưởng Tiếp tế. Ngày 16 tháng 8, đặc sứ Nhật đến loan báo cho Vua Bảo Đại hay Nhật Hoàng vừa ra lệnh ngưng chiến và giao hoàn Nam Kỳ lại cho Nhà Vua.

Ngày hôm sau, nhà ái quốc Nguyễn Văn Sâm được Nhà Vua bổ nhiệm làm Khâm sai Nam Kỳ nhưng trên đường về Nam nhậm chức, ông đã bị cộng sản sát hại. Ngày 18, Thủ tướng Trần Trọng Kim kêu gọi các đoàn thể chính trị « đoàn kết trong tinh thần thống nhất đoàn kết quốc gia...» trong lúc Nhà Vua gửi điện văn cho các lãnh tụ các nước Đồng Minh Hoa Kỳ, Anh quốc, Pháp và Trung Hoa Dân quốc xin công nhận nước Việt Nam độc lập. Bức điện văn không được hồi âm, có lẽ vì Vua Bảo Đại và chính phủ bị Đồng Minh xem là đã hợp tác với địch (Nhật Bản). Trong suốt mấy tuần lễ quyết định này, giữa lúc cộng sản dưới bảng hiệu Việt Minh hoạt động ráo riết, đặc biệt ở Hà Nội, chính phủ không đưa ra một biện pháp nào cụ thể để trấn an dư luận đang hoang mang tột độ, cũng không tác động tinh thần công chức và các lực lượng quân sự và cảnh sát dưới quyền, dù không hùng hậu nhưng vẫn thừa sức đối phó với tình thế, chưa kể quân đội Nhật được lệnh của Đồng Minh duy trì an ninh trật tự sẵn sàng hợp tác với chính phủ. Không có được một mạng lưới tình báo, không hay biết gì cả về những hoạt động của Việt Minh, Nhà Vua và chính phủ mất tinh thần một cách dễ dàng trước những tin đồn đại do Việt Minh tung ra, qua những cán bộ « võ trang tuyên truyền », võ trang thô sơ với một ít súng lục, nhiều cái rì rết, thỉnh thoảng bị kẹt đạn không xử dụng được. Không kiểm soát được, chính phủ « thả nổi » tình hình, đất nước như một cánh đồng vô chủ mênh mông! Theo lời của chính cựu Hoàng Bảo Đại kể lại một cách thành thật, thỉnh thoảng rất thật thà, trong cuốn hồi ký của ông, *Con Rồng An Nam (Le Dragon d'Annam)* xuất bản năm 1979 tại Pháp, ngày 23 tháng 8 (1945), chính phủ biến đâu mất, để Hoàng Đế một mình trong hoàng cung với vài người cộng sự thân tín và một toán lính giữ cổng ra vào. Ngày hôm trước, viên đại tá chỉ huy quân trấn Nhật ở Huế đến báo cho Nhà Vua là y được lệnh của bộ tư lệnh Đồng Minh bảo vệ hoàng cung và « những người ở bên trong » và y đã ban hành những biện pháp an ninh, đặt các rào cản ở cuối cầu trường Tiền (chặn một lối đi chính vào cửa Thượng Tứ và Thành Nội, bên trong là hoàng cung). Nhà Vua từ chối sự bảo vệ, yêu cầu tháo gỡ các rào cản và cho mở cửa ra vào Đại Nội như thường ngày, viện cớ không để cho quân đội ngoại quốc can thiệp và để tránh đổ máu của dân. Tối hôm trước, chủ sự Bưu điện Huế đến trình Nhà Vua một bức điện tín từ Hà Nội gửi vào, thỉnh cầu ông vui lòng làm một cử chỉ lịch sử bằng cách trao quyền lại cho « nhân dân » nghĩa là cho người gửi điện tín ký tên một cách vô danh « Ủy

ban những người yêu nước đại diện tất cả các đảng phái và tầng lớp nhân dân». Nhà Vua cho hoàng thân Vĩnh Cảnh và ông Phạm Khắc Hoè đi săn tin trong thành phố, nhưng không thu lượm được tin tức nào chính xác và không biết ủy ban, tác giả của bức điện tín ở đâu ra và gồm những ai. Bơ vơ trong hoàng cung vắng lặng, Nhà Vua kể tiếp, «không biết làm gì hơn, đã vậy, tôi gửi một điệp văn trong khoảng trống như vút một cái chai xuống biển... Tôi gửi cho Ủy ban những người yêu nước ở Hà Nội lời phúc đáp của tôi, sẵn sàng lùi bước, sẵn sàng hy sinh tất cả để thực hiện sự đoàn kết và yêu cầu các vị lãnh đạo Ủy ban đến Huế càng sớm càng tốt cho việc chuyển giao quyền hành». Cái chai của Hoàng Đế vút xuống biển đã được vớt lên lệ làng và chiều ngày 25 tháng 8, hai đại diện của Việt Minh, Trần Huy Liệu và Cù Huy Cận đã có mặt ở hoàng cung. Khoảng vài nghìn người, hầu hết là công chức và học sinh, được triệu tập khẩn cấp đến chứng kiến buổi lễ thoái vị và trao quyền của Nhà Vua. Mới mười lăm tuổi, còn là học sinh trung học, gia đình tôi ở trong Thành Nội cách hoàng cung chỉ một trăm mét trên đường Bộ Học, sau này đổi thành Hàn Thuyên, nên tôi sớm có mặt trong đám đông tập họp trên sân cỏ rộng giữa kỳ đài đồ sộ với lá quốc kỳ treo cao lồng lộng trong gió, và cửa Ngọ Môn, cổng chính của hoàng cung, trên đó, chiều nay, một biển cổ lịch sử đang xầy ra, mở màn cho tấn thảm kịch trường thiên của dân tộc. Chít khăn vàng và bận áo vàng, Hoàng Đế Bảo Đại chính thức thoái vị trao quốc ấn tượng trưng quyền hành cho Trần Huy Liệu và được Liệu mời ra Hà Nội làm Cố Vấn cho chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà chính thức ra đời một tuần lễ sau, tức ngày 2 tháng 9, 1945. Thật vậy, tấn trường thiên thảm kịch của dân tộc bắt đầu tại cố đô Huế. Hai mặt đông và nam của hoàng cung, hoa phượng vĩ thơ mộng của tuổi học trò nở đầy giữu mùa hè xứ Huế, thơ mộng dịu dàng với mái tóc thề của những đàn nữ sinh nón trắng che mặt thẹn thùng như những đàn bướm trắng tung bay mỗi chiều tan học. Màu đỏ thắm của hoa phượng vĩ đã phải nhường chỗ cho màu đỏ máu hận thù của những lá cờ đỏ sao vàng xuất hiện ở Huế, từ nay mang trở lại tên Thuận Hóa, cái tên mà Nhà Nguyễn đã đặt cho thành phố này từ mấy thế kỷ và nay như một sự rêu cọt hay thiếu hiểu biết, cộng sản Việt Minh lại mang ra xử dụng khi Nhà Nguyễn vừa tự chấm dứt với sự thoái vị của Nhà Vua cuối cùng, Bảo Đại. Tháng 9, 1945, quân Pháp trở lại Việt Nam ngay tại Sài Gòn. Chiến cuộc khởi sự. Dù nước Pháp đã công bố một chính sách mới thay thế qui chế thuộc địa

(statut de colonie) ở Nam Kỳ và qui chế bảo hộ (statut de protectorat) ở Bắc và Trung Kỳ bằng một qui chế tương đối tiến bộ hơn dành quyền tự trị nội bộ (*autonomie interne*) – không được trọn vẹn- cho các quốc gia Việt, Căm-bốt và Lào, chính sách mới này vẫn còn lạc hậu trong tình huống mới ở Việt Nam mà chính phủ và hầu hết các giới chính trị Pháp ở thủ đô Paris kể cả phe tả không thẩm định đúng mức được. Từ ngày 9 tháng 3, 1945 khi chính quyền Pháp bị quân Nhật lật đổ, không những uy quyền mà uy tín của nước Pháp cũng tiêu tan luôn. Dân chúng Việt Nam, muôn người như một, trong đầu hôm sớm mai, và nhất là sau khi Nhật Bản đầu hàng Đồng Minh , trao trả độc lập và chủ quyền hoàn toàn cho Hoàng Đế và chính phủ Việt Nam như đã kể trước, dân chúng từ Bắc đến Nam đều say sưa với niềm hãnh diện của đất nước mình, của tổ quốc mình từ nay không bị một ngoại bang nào lấn ép và khinh rẻ nữa, một tổ quốc, một quốc gia độc lập, tự chủ. Sự kiện quân đoàn viễn chinh Pháp trở lại Việt Nam được xem như một mưu toan tái lập nền đô hộ cũ. Toàn dân, không còn phân biệt xu hướng chính trị, nhất loạt đứng lên đoàn kết chống xâm lăng. Vừa thành lập xong chính phủ được đúng ba tuần lễ, Việt Minh cộng sản đã hưởng được ngay cái khí thế chưa bao giờ có của mọi tầng lớp dân chúng quyết tâm đánh đuổi quân thù. Không ai còn để ý đến những chuyện khác nữa. Cuộc kháng chiến chống Pháp thực dân khởi sự từ Nam Bộ (danh xưng mới thay thế cho Nam Kỳ dưới chế độ mới) khi quân đội Pháp phối hợp với quân đội Anh -đến giải giới quân Nhật ở vùng Nam Đông Dương- bất thần xâm nhập các công sở của Ủy Ban Hành chánh Nam Bộ vào tối 22 rạng ngày 23 tháng 9, 1945. Phản ứng của phía Việt Nam hai ngày sau châm ngòi cho một cuộc chiến không tránh được giữa Pháp và Việt Nam. Đến tối 19 tháng 12 năm sau, chiến tranh lan rộng trên toàn quốc. Chính phủ Hồ Chí Minh rút vào rừng tiếp tục lãnh đạo cuộc chiến đấu. Trước đấy, ông Hồ đã ký Hiệp định sơ bộ ngày 6 tháng 3, 1946 cho phép quân đội Pháp đóng quân trên nhiều địa điểm ở Miền Bắc, đổi lại Pháp công nhận Việt Nam là một nước tự do, một thành viên của Liên bang Đông Dương (*Fédération Indochinoise*) và của Khối Liên Hiệp Pháp (*Union Française*). Thế nhưng lịch sử của cuộc chiến tranh đầu tiên ở Việt Nam, thường được gọi là Chiến tranh Đông Dương (1945-1954) không đơn giản như nhiều người nhận thấy. Tôi đã ghi chú từ đầu cuộc chiến tranh ba – mươi năm (1945-1975) là một cuộc nội chiến giữ hai phe quốc cộng. Một cuộc nội chiến giữa những người

Việt theo chủ nghĩa cộng sản muốn nhuộm đỏ đất nước Việt Nam từ khi đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập năm 1930, và những người Việt quốc gia không chấp nhận chủ nghĩa cộng sản, quyết tâm tranh đấu bảo vệ độc lập, tự do cho dân tộc. Sự tham dự của ngoại bang, Pháp, Mỹ, Tàu, Nga v.v... không làm mất tính chất nội chiến này mà chỉ mang thêm, với sự hỗ trợ của ngoại bang dành cho mỗi phe dài dài theo cuộc chiến, một tính chất chiến lược quốc tế, tóm gọn: cộng sản muốn bành trướng Đế quốc Đỏ xuống miền Đông Nam Á Châu với tên lính tiền phong cộng sản Việt Nam và ngược lại, Thế giới Tự do đứng đầu là Hoa Kỳ muốn ngăn chặn làn sóng đỏ ở biên thùy Việt-Hoa sau khi Mao Trạch Đông đã chiếm lĩnh Trung quốc cuối năm 1949. Riêng đối với Pháp, cần phải phân tách cuộc tham chiến ở Việt Nam ra hai giai đoạn. Giai đoạn một, từ lúc trở lại Đông Dương tháng 9, 1945 cho đến giữa năm 1947 họ mong muốn bằng sức mạnh hơn là thuyết phục lôi cuốn Việt Nam vào Liên Bang Đông Dương như một nước tự trị và giai đoạn hai từ 1948 trở đi, càng ngày càng lún sâu vào cuộc chiến họ chỉ còn mong Việt Nam ở lại trong Khối Liên Hiệp Pháp với tư cách một quốc gia liên kết (*Etat associé*) độc lập, tự do, một công thức tương tự với «Khối thịnh vượng chung» (*Commonwealth*) qui tụ trên nguyên tắc tự nguyện Anh quốc và những thuộc địa cũ của Đế quốc Anh ngày trước nay đã được trao trả độc lập mà không phải trải qua một cuộc chiến tranh nào cả. Đây là một điểm hết sức quan trọng cần nhấn mạnh trong lịch sử cận đại của thế giới: sau khi Thế chiến thứ hai chấm dứt, hầu hết các nước bị trị của các đế quốc Tây phương đều được lần lượt trao trả độc lập mà không phải phí phạm xương máu, ở Á Châu như Hàn quốc, Nam Dương, Phi-luật-Tân, Mã Lai, Tân-gia-Ba, Ấn Độ, ở Trung Cận Đông, lần lượt đến các nước Phi Châu ngoại trừ Algérie với những lý do riêng của trường hợp này, nơi mà nhiều thế hệ người Pháp đã định cư, lập nghiệp và từ hơn cả thế kỷ Pháp đã xem như một lãnh thổ, một tỉnh của họ! Đối với Việt Nam, nền độc lập đã được trao trả dù chưa toàn vẹn ngay trước cả khi chiến tranh chấm dứt và giữa tháng 8, 1945 vừa đầu hàng Đồng Minh hôm trước, hôm sau Nhật Bản giao trả nốt Nam Kỳ cho Vua và chính phủ Việt Nam như đã trình bày. Cái gọi là «cách mạng mùa thu 1945» của Cộng sản Việt Nam dưới bảng hiệu Việt Minh chỉ là một vụ đảo chính chính trị dành lấy chính quyền từ một nhà Vua và một chính phủ khiếm nhược. Cuộc chiến tranh kế tiếp hoàn toàn không phải là một cuộc chiến tranh giành độc lập vì, như đã trình

bày, Việt Nam đã được độc lập rồi và khi quân Pháp trở lại Đông Dương, nếu Vua Bảo Đại và chính phủ của Nhà Vua còn tồn tại, thì chắc chắn sẽ có những cuộc thương nghị rất khó khăn với Pháp nhưng chung cuộc, Việt Nam vẫn duy trì nền độc lập và rất có thể gia nhập Khối Liên Hiệp Pháp lúc bấy giờ. Tiến trình giải thể các đế quốc Tây phương đã được các nước Đồng Minh chấp nhận trước khi thể chiến chấm dứt và nước đồng minh quan trọng nhất là Hoa Kỳ, đang còn dưới quyền lãnh đạo của Tổng Thống Roosevelt, rất cương quyết trong dự định này, nhất là đối với Đông Dương mà Roosevelt quan tâm đặc biệt và nhiều lúc còn nặng lời nhắc nhở nước Pháp. Đây là một trong những nguyên nhân tiềm ẩn của thái độ của nước Pháp, đồng minh nhưng không thân thiện với Hoa Kỳ. Nhưng từ năm 1950, trước làn sóng đỏ đã tràn đến biên giới Việt-Hoa, cuộc chiến hoàn toàn thay đổi tính chất và Hoa Kỳ san sẻ gánh nặng bằng quân cụ, vũ khí đủ loại và tài chánh cho chính phủ Pháp để tăng cường lực lượng chiến đấu chống cộng sản ở Đông Dương trước một kẻ địch bỗng nhiên mạnh hẳn lên do sự hỗ trợ không giới hạn của Mao trạch Đông. Trung Cộng trở thành một hậu cứ vĩ đại cho Việt Minh. Chiến tranh du kích đã trở thành thứ yếu. Được huấn luyện, trang bị và tiếp liệu đầy đủ, lực lượng quân sự của Việt Minh đã bước vào giai đoạn trận địa chiến đến cấp trung đoàn, tiến lần đến đại đoàn, sư đoàn. Về phía quốc gia, các lực lượng quân sự cũng được tổ chức qui mô. Quân đội quốc gia Việt Nam được thành lập lan chóng và chiến đấu bên cạnh quân đội Liên Hiệp Pháp ở nhiều mặt trận, đồng thời đảm nhận phần lớn nhiệm vụ bảo vệ diện địa. Cuộc chiến chấm dứt với hiệp định Genève ngày 20 tháng 7 năm 1954 phân chia tạm thời Việt Nam thành hai miền Bắc Nam như chúng ta đã biết với sông Bến Hải ở vĩ tuyến 17 làm ranh giới. Cộng sản đã chiếm được một nửa đất nước. Dù được tự do lựa chọn, không một thường dân nào ở miền Nam ra miền Bắc trong lúc một triệu đồng bào từ Bắc di cư vào Nam để được sống dưới chế độ tự do, một cuộc di cư lớn lao thực hiện trong vòng mười tháng như chưa từng xảy ra trong lịch sử Việt Nam. Bức màn sắt đã hạ xuống trên miền Bắc thân yêu của tổ quốc.

Những Bài Học:

Từ một giai đoạn đầy biến động đưa đến cảnh phân chia đất nước như vừa trải qua, chúng ta có thể rút ra nhiều bài học vô cùng quan trọng và hữu ích, theo thứ tự thời gian của các biến cố.

Vua Bảo Đại và chính phủ Trần Trọng Kim(tháng 3-tháng 8,1945): Làm chính trị,đặc biệt trong cương vị lãnh đạo quốc gia, lãnh đạo chính phủ,là phải giữ vững lòng can đảm, không lùi bước trước hiểm nguy, không để mất tinh thần trước đe dọa. Lãnh đạo là tiên liệu những biến chuyển có thể xảy ra để ngăn ngừa trước, để chuẩn bị đối phó, làm chủ động tình thế và nắm lấy thời cơ. Khi có chính quyền trong tay, phải liên tục hữu hiệu hóa guồng máy Nhà nước cũng như quân lực, không ngừng cải tiến, không ngừng sửa sai.. Căn bản trí thức là một cái vốn quý nhưng tư tưởng, kiến thức phải đi đôi với hành động có kế hoạch cụ thể nếu không thì sẽ rơi vào tình trạng của những hủ nho của một thời xưa. Nếu Vua Bảo Đại và chính phủ Trần Trọng Kim hành xử như vậy, Việt Minh không thể dành được chính quyền và lịch sử cận đại đã có thể theo một chiều hướng khác.

Các Đảng Phái Quốc Gia: Đã hoạt động từ nhiều năm trước, đáng lẽ các chính đảng quốc gia phải ra tay hành động, liên kết với chính phủ để giữ vững chính quyền, hướng dẫn quần chúng đang hằng say độc lập tự do, ủng hộ chính quyền tại vị. Dù chính phủ có yếu đi nữa – điều khá rõ rệt – các chính đảng phải thúc đẩy chính phủ, dùng mọi áp lực để trấn tĩnh chính phủ và Nhà Vua và cùng nhau làm việc. Chúng ta cũng không quên rằng Việt Nam Quốc Dân Đảng rất thân gần như đồng chí với Quốc Dân Đảng Trung Hoa đang lãnh đạo và quân đội Trung Hoa của Thống Chế Tưởng Giới Thạch đã được Đồng Minh giao phó trách nhiệm giải giới quân đội Nhật ở Miền Bắc. Một thế lực không thể lớn hơn lúc bấy giờ cũng như trong suốt thời gian quân đội Trung Hoa đóng ở ngay thủ đô Hà Nội. Đảng Đại Việt cũng có tổ chức và hoạt động ở Miền Bắc trong đầu thập niên bốn-mươi. Có lẽ những vấn đề nội bộ của mỗi đảng, hợp tác giữa hai đảng, cộng tác với Vua Bảo Đại và chính phủ Trần Trọng Kim, không được giải quyết lạnh chóng kịp thời chẳng trong lúc tình thế biến chuyển rất lạnh như đã trình bày. Một hành động đoàn kết nhất trí giữa những nhà lãnh tụ quốc gia đã không xảy ra trong giờ phút quyết định của lịch sử khiến cho cộng sản thành công dễ dàng, dễ dàng quá hơn họ đã dự liệu. Đây là một bài học lớn cho tất cả

chúng ta và đặc biệt cho những người trong chúng ta đang tự gánh gờ đây một trách nhiệm trước quốc dân.

Cộng sản Việt Nam: Thành công tranh đoạt được chính quyền tháng 8 năm 1945, Cộng sản Việt Nam bắt đầu dẫn dắt dân tộc vào một cuộc phiêu lưu gần mười năm, hy sinh hàng trăm ngàn sinh linh, tàn phá hơn một nửa đất nước cho đến ngày xứ sở bị chia đôi thành hai miền Nam Bắc tháng 7 năm 1954. Sự tôn thờ mù quáng và áp đặt một chủ nghĩa ngoại lai trên một dân tộc là một điều cần phải tránh vì trước hết, hành động ngang ngược này loại bỏ quyền tự do tư duy và lựa chọn của mỗi người dân trong nước. Sự áp đặt chủ nghĩa hay chủ thuyết đã chứng tỏ hậu quả khốc hại của nó với chủ nghĩa quốc-xã của Hitler và chủ nghĩa cộng sản hay xã hội chủ nghĩa dưới thời Lénine và Staline rồi đến các lãnh tụ kế tiếp ở điện Cẩm-linh cho đến khi Gorbatchev lên cầm quyền. Những nước văn minh tiên tiến trong thế giới không làm như vậy mà chỉ đặt định rõ ràng những mục tiêu không thay đổi và có lợi cho tất cả mọi người dân trong nước bất luận thuộc khuynh hướng nào : tự do, dân chủ, công bằng xã hội và phúc lợi của toàn dân. Dân quyền và nhân quyền được cụ thể hóa trong các mục tiêu này. Đế quốc Nga Xô, các nước cộng sản ở Đông Âu và Á Phi ngoại trừ Cuba, Bắc Hàn, Trung Cộng, Việt Nam và Lào đã sụp đổ lanh chóng vì áp dụng một chủ nghĩa sai lầm không phù hợp với nhân tính và đi ngược lại với sự tiến hóa tất yếu của nhân loại. Đây là một bài học lớn cho đảng Cộng sản Việt Nam. Tôi chắc họ đã hiểu nhưng vì quyền lợi riêng tư của những người lãnh đạo, họ không muốn xét lại toàn bộ chế độ. Sự chần chừ và chậm trễ của họ càng làm cho dân uất hận thêm và nguy hiểm cho chính họ khi dân chúng nhất tề theo nhau đứng lên thực hiện lấy sự thay đổi chế độ. Thẳng một thời, sai một đời, mang tội muôn đời, những người cầm đầu Cộng đảng Việt Nam cần suy ngẫm đến diễn tiến này của lịch sử.

B- Giai Đoạn 1954-1975 : Từ Di Cư Đến Di Tàn

Những Nét Chính Của Tình Hình :

Trở về Hà Nội chưa được bao lâu Cộng sản đã chuẩn bị phát động vụ đấu tố «địa chủ, cường hào, ác bá » trên Miền Bắc vừa tiếp thu. Số nạn nhân không thể kiểm kê được rõ nhưng phải kể đến cả trăm

ngàn người, một tội ác chống nhân loại đứng hàng đầu. Áp dụng đúng lời dạy của Mao Trạch Đông, mà cuộc đấu tố trên lục địa đã giết hại hàng chục triệu người. Dân chúng ở hai tỉnh Hà Tĩnh, Nghệ An, quê quán của ông Hồ Chí Minh, vốn là lò lửa cách mạng vô sản, đã từng lập sô-viết Nghệ Tĩnh trong các cuộc nổi dậy từ tháng 5, 1930 đến tháng tư 1931, dân Nghệ Tĩnh ấy nổi dậy một lần nữa nhưng lần này, để chống đối dữ dội đến độ cả một sư đoàn quân đội nhân dân phải được phái đến dẹp loạn ! Nhưng rồi đồng bào Miền Bắc cũng không được ở yên trong cảnh khốn cùng. Cuộc xâm lăng Miền Nam được khởi sự chuẩn bị. Gọng kềm của chế độ xiết chặt hơn nữa. Đã không bao giờ được ăn no, dân chúng từ đây còn phải thắt lưng buộc bụng, Cuộc chiến xâm lăng kéo dài mười lăm năm đã gây nhiều tổn phí không kể xiết về nhân mạng cũng như đã làm tiêu tan không kể hết được tài sản của dân và của nước. Hàng triệu người đã nằm xuống vì bom đạn, gươm đao, kẻ sinh Bắc tử Nam vùi thân trong rừng thẳm, người hy sinh chiến đấu chống xâm lăng bảo vệ Miền Nam tự do, dân chủ. Tại Miền Bắc, dân phải rậm rạp tuân lệnh Đảng và nhà Nước, và không có một biến động nào đáng kể, ngay cả cái chết của ông Hồ chí Minh đầu tháng chín 1969 cũng không gây nên xáo trộn đáng kể trong hàng ngũ lãnh đạo. Ngược lại, từ khi đất nước bị phân chia năm 1954, Miền Nam phải trải qua nhiều biến động nội bộ nghiêm trọng, có lúc gần tan rã, trở thành một con mồi dễ dàng cho cộng sản xâm lược. Hoa Kỳ phải đổ quân vào để cứu vãn tình hình như chúng ta đã biết. Biến động đáng kể đầu tiên là mưu toan phản loạn của tướng Nguyễn văn Hinh, Tổng tham mưu trưởng quân đội quốc gia muốn lật đổ Thủ Tướng Ngô Đình Diệm , hai tháng sau khi ông Diệm về nước lập chính phủ do sắc lệnh của Quốc Trưởng Bảo Đại bổ nhiệm ông làm Thủ Tướng với toàn quyền chính trị, hành chính và quân sự. Dân Tây, vợ Đằm, sĩ quan của quân đội Pháp « biệt phái » qua chỉ huy quân đội quốc gia từ khi mới thành lập, ông Hinh không chịu khép mình trong kỷ luật quân đội và kỷ luật quốc gia để phải làm việc dưới quyền của một ông Thủ Tướng không kiêng nể ông như các Thủ Tướng khác trước đây, chưa kể ông Diệm vẫn luôn luôn ra mặt chống Tây thực dân từ khi ông Diệm còn làm Thượng Thư trong triều đình Huế thời Pháp thuộc. Thất bại, tướng Hinh được Quốc Trưởng Bảo Đại gọi sang Pháp và ở luôn tại Pháp sau một mưu toan trở về dấy loạn lần thứ hai nhưng thất bại ngay ở biên giới. Biến cố thứ hai cũng lại là một mưu toan lật đổ ông Diệm nhưng lần này ông đã là Tổng Thống nền

đệ nhất Cộng Hòa. Cuộc đảo chính hụt này, ngày 11 tháng 11, 1960, lại đưa một số sĩ quan đi tù hay đi ngoại quốc cùng với vài chính trị gia dính líu đến nội vụ. Nhưng tục ngữ Pháp có câu «có hai thì phải có ba» (*jamais deux sans trois*) nên lần này, cuộc đảo chính thành công với sự nhúng tay của chính phủ Mỹ thời Tổng Thống Kennedy và với sự thực hiện của một số tay sai người Việt. Ngày 2 tháng 11, 1963, Tổng Thống Diệm cùng bào đệ, ông Ngô Đình Nhu, Cố Vấn chính trị, bị hạ sát. Hai tuần sau, tại thành phố Dallas, Hoa Kỳ, Tổng Thống Kennedy bị ám sát. Giai đoạn Ngô Đình Diệm chấm dứt. Miền Nam suýt rơi vào vực thẳm. Việt Cộng nổi lên đánh phá nhiều nơi. Hệ thống ấp chiến lược bị phá bỏ bởi chính quyền mới của Hội Đồng quân nhân cách mạng. Nhiều sĩ quan và công chức chống cộng tích cực dưới chính quyền cũ bị bắt bớ giam cầm. Nhiều cán bộ cộng sản quan trọng đang bị giam giữ được thả ra vô điều kiện một cách mờ ám. Nhiều vụ tống tiền và chiếm đoạt tài sản xảy ra ở nhiều nơi mà nạn nhân bị chụp mũ «làm kinh tài cho gia đình họ Ngô». Trước tình trạng suy đồi lạnh chổng của Miền Nam và một số tin tức về sự móc nối của vài tướng lãnh trong HDQNCM với một tổ chức hoạt động cho lá bài trung lập, cũng đại sú Lodge bật đèn xanh cho một nhóm quân nhân khác làm một cuộc đảo chính lật đổ nhóm quân nhân «cách mạng 1 tháng 11» trước. Cuộc đảo chính chớp nhoáng này được thực hiện trong vòng hai tiếng đồng hồ vào sáng ngày 30 tháng 1, 1964, vòn vẹn ba tháng sau vụ binh biến lật đổ nền Đệ nhất Cộng hòa. Ba năm tiếp theo, Miền Nam sống trong một tình trạng gần như hỗn loạn Trong lúc các chiến sĩ quốc gia đổ máu hy sinh trên các chiến trường lan rộng khắp nơi thì tại thủ đô Sài Gòn, một nhóm tướng tá tranh dành miếng đỉnh chung, hết đảo chính đến chỉnh lý, biểu dương lực lượng, thanh toán nhau, bắt bớ nhau, phong chức cho nhau, chia chác quyền lợi và quyền hành với nhau trên cái thân thể càng ngày càng suy nhược héo mòn của đất nước đang bốn bề thọ địch. Vì vậy mà Hoa Kỳ phải mang gấp quân sang để cứu vãn tình thế. Từ khoảng mười ngàn với tư cách cố vấn dưới thời Tổng Thống Diệm, quân số Mỹ càng ngày càng tăng cho đến hơn nửa triệu quân vừa tác chiến, vừa cố vấn, vừa tiếp liệu. Số thương vong tổng cộng gần sáu mươi ngàn người. Chính nghĩa của cuộc chiến đấu của quân dân Miền Nam càng dễ bị hiểu lầm và xuyên tạc. Phong trào phản chiến càng phát triển mạnh đặc biệt ở Hoa Kỳ khiến cho chính phủ và quốc hội phải nhượng bộ trước áp lực của phong trào. Cuối

cùng, với chính sách đánh cầm chừng, tự chế, không đánh cho địch ngã gục mà chỉ để mong địch đến bàn hội nghị, Hoa Kỳ chỉ còn một mục tiêu chính: rút quân về nước, đem được hết tù binh về, quân nhân Mỹ mất tích sẽ từ từ tìm kiếm sau. Trong tinh thần bằng mọi giá phải chấm dứt sự có mặt của quân đội mình ở Việt Nam, Hoa Kỳ xúc tiến Việt nam hoá chiến tranh để Miền Nam tự lo lấy số phận của mình. Dưới thời Đệ nhị Cộng Hòa, tuy tình hình nội bộ được ổn định nhưng cuộc chiến đấu của quân dân Miền Nam càng ngày càng khó khăn trước sự gia tăng không giới hạn của lực lượng địch được cả Khối Cộng sản quốc tế yểm trợ tối đa và sự suy yếu của lực lượng quốc gia vì Hoa Kỳ cắt giảm viện trợ quân sự đến mức không đủ nhiên liệu, đạn dược, vũ khí để thay thế và các quân cụ khác. Hiệp định Paris ngày 27 tháng 1 năm 1973 được ký kết trong hoàn cảnh này. Chính phủ VNCH buộc phải ký nếu không thì bị Hoa Kỳ bỏ rơi tức khắc. Một hiệp định gián tiếp mở đường cho cộng sản Bắc Việt xâm lăng Miền Nam vì không buộc CSBV rút về Bắc hơn một trăm ngàn quân của chúng đã đột nhập vào Nam. Đúng như vậy, sau khi ký kết, CSBV tấn công khắp nơi xem hiệp định đình chiến Paris như không có, bao nhiêu quân ở Miền Bắc lục tục kéo vào Nam. Những lời khẩn thiết của chính phủ VNCH kêu gọi Hoa Kỳ giữ lời hứa của Tổng Thống Nixon can thiệp nếu CSBV vi phạm hiệp định Paris, đều rơi vào khoảng không. Quốc hội Hoa Kỳ mà đảng Dân Chủ nắm đa số đã ngăn cấm không cho phép Tổng Thống can thiệp bằng quân lực ở nước ngoài và tặc hại nếu không phải là tàn nhẫn hơn nữa, không cho phép tháo khoán số tiền mấy trăm triệu còn lại trong ngân khoản viện trợ quân sự để cho VNCH mua sắm thêm phương tiện chiến đấu trong những trận chiến ác liệt đang diễn ra vào những tháng quyết định đầu năm 1975.

Những Bài Học:

Hai thập niên đầy biến động từ 1954 đến 1975 không thể không để lại nhiều bài học cho chúng ta, cho hậu thế, cho bây giờ đây.

Những Người Quốc Gia: Bài học đầu tiên của giai đoạn lịch sử này nên được để dành cho những người Việt quốc gia chúng ta vì trách nhiệm bảo vệ Miền Nam trước đây trước hết là trách nhiệm của chúng ta, người ít kẻ nhiều với những điều kiện của mỗi người lúc bấy giờ.

-quyền lợi của đất nước phải được đặt trên quyền lợi riêng của mỗi người, mỗi tập thể. Nói thì dễ nhưng nhiều cá nhân, nhiều tập thể không áp dụng bốn phạm căn bản này của người công dân. Chúng ta phải nhìn nhận rằng nếu chúng ta có trước đây những vị lãnh đạo đặt quyền lợi của quốc gia trên tất cả thì Miền Nam chúng ta cũng không thiếu những người có chức quyền xem thường quyền lợi của quốc gia mà chỉ biết đến quyền lợi của cá nhân mình.

- dân chúng phải chọn những người lãnh đạo và những người đại diện cho mình không những có khả năng mà còn phải có đạo đức, tư cách ; phải nhìn vào quá khứ để tìm hiểu chứ đừng nghe lời đường mật hứa hẹn hảo huyền. Một sự lựa chọn sai lầm sẽ rất tai hại lâu dài cho cộng đồng, cho quốc gia.

- chúng ta phải tự trang bị tinh thần tự lập, tự cường, phải rửa sạch tinh thần vọng ngoại và ỷ lại. Có một nước bạn giúp đỡ chúng ta là một điều tốt, nhiều lúc còn cần thiết nữa nhưng chúng ta phải luôn luôn nhớ rằng không ai thương chúng ta, lo cho chúng ta bằng chính chúng ta. Nước nào cũng có quyền lợi riêng của nước ấy. Nếu quyền lợi của nước bạn một lúc nào đấy không phù hợp hay ngược lại với quyền lợi của đất nước chúng ta thì chúng ta phải trả giá đắt sự ỷ lại thiếu sáng suốt của chúng ta.

- trong thời đại bây giờ, trừ vài nước Phi châu còn lạc hậu, không một ai quan niệm được rằng nền dân chủ của một quốc gia có thể bị hủy hoại vì một biến động quân sự của một nhóm quân nhân. Nguyên tắc cơ bản của tất cả các nước văn minh từ hơn cả thế kỷ hay vài thế kỷ nay là sự phụ thuộc của thẩm quyền quân sự vào chính quyền dân sự (*principe de subordination de l'autorité militaire au pouvoir civil*) vì chính quyền dân sự đại diện cho toàn dân, thể hiện chủ quyền của toàn dân (*souveraineté du peuple*).

Hoa Kỳ: Hoa Kỳ và đặc biệt đảng Dân Chủ cần phải hiểu và chúng ta phải kiên nhẫn làm cho họ hiểu rằng khả năng vô địch của họ về quân sự, khoa học, kỹ thuật, tiềm lực kinh tế dồi dào của họ, tất cả không miễn trừ cho họ những nỗ lực học hỏi cần thiết để thấu hiểu những giá trị, những khát vọng, những nhu cầu, những điều kiện đặc thù của mỗi dân tộc trong mỗi giai đoạn của lịch sử của dân tộc ấy, biến chuyển không ngừng theo sự chuyển biến của thế giới. Trong sự thi hành sứ mạng mà Hoa Kỳ tự nhận hỗ trợ cho các dân

tộc tranh đấu cho tự do, dân chủ của họ qua lời tuyên bố công khai và long trọng trước thế giới gần đây của Tổng Thống Georges W. Bush, siêu cường này không thể phạm phải những sai lầm về nhận định, về thiết kế chính sách đối ngoại, về sự phân biệt giữa những đối tượng, thù hay bạn của tự do, dân chủ, của nhân quyền, của sự tiến bộ của nhân loại. Hoa Kỳ không thể hành xử như một quốc gia tầm thường chỉ tính toán cho những quyền lợi trước mắt và ngắn hạn nhiều lúc chưa chắc đã có thực để quên đi sứ mạng cao cả của mình với nhân loại. Những sai lầm của Hoa Kỳ trong những quyết định của họ trong nửa thế kỷ nay, đặc biệt ở Trung Hoa năm 1949 và ở Việt Nam năm 1963 và 1975 đã làm cho bàn cờ thế giới thay đổi một cách tai hại và dài hạn, đặt gần một tỷ rưỡi người trong cảnh nghèo khổ và mất tự do dưới sự thống trị của một thiểu số « tư bản đỏ » dẫm lên trên nhân quyền và nhân vị của con người., và đặt các nước trong vùng Á Châu Thái Bình Dương trong tình trạng lo ngại và cảnh giác thường xuyên trước chế độ cộng sản ở Trung Hoa lục địa, hung hãn, bá quyền, đe dọa nền an ninh và kinh tế của toàn vùng. Tuy vậy, nhiều chánh khách, nhiều lý thuyết gia, kinh tế gia, nhà nghiên cứu chính trị chiến lược, đủ cỡ đồng thanh tranh nhau ca ngợi hai chế độ cộng sản môn đệ của bạo chúa Staline nói trên bằng cách tuyên dương những thành quả của hai chế độ này, so với...tình trạng của hai quốc gia này trong thời gian đen tối nhất mà hai chế độ đã tạo nên cách đây ba bốn-mươi năm hơn, khi nhân dân hai nước gần chết khổ tất cả vì bị đem ra làm con vật thí nghiệm cho các chánh sách xã hội chủ nghĩa thuần túy nhất.. Nghĩa là so sánh cái tệ hại nhất của các chế độ này gây nên với cái ít tệ hại hơn bây giờ, thay vì so sánh với các «con rồng vàng» kể cận đã vươn lên như những con rồng trong thần thoại từ hơn hai mươi năm nay! Hoa Kỳ và Liên Hiệp Âu Châu cũng đừng quên rằng 90 phần trăm dân ở Trung Hoa lục địa và ở Việt Nam xã hội chủ nghĩa giờ đây đang sống xa hẳn dưới mức nghèo khổ nghĩa là không đến một đô la một ngày vì lợi nhuận trung bình từ 400 đến gần 700 đã bị thiểu số 10 phần trăm có lợi nhuận cao chia lấy phần lớn. Quảng đại quần chúng này phải có quyền sống đủ no, đủ ấm, đủ tự do, nhân phẩm được tôn trọng như tất cả mọi người khác trong thế giới văn minh tiến bộ ngày nay. Thế giới Tây phương nói chung, Hoa Kỳ và Liên Hiệp Âu Châu nói riêng cần nhìn xuyên qua cái hình thức phô diễn bề ngoài mỏng manh và phải lắng nghe tiếng kêu gọi xuất phát từ bên trong sâu thẳm của hơn cả tỷ người cần được giải thoát

và được hoàn trả lại các dân quyền và nhân quyền của họ mà không một đảng nào, một nhà Nước nào có quyền tước đoạt mãi mãi.

Thêm Một Bài Học Cho Những Người Cộng Sản Việt Nam: Sau khi bá chủ được tất cả Miền Bắc năm 1954, lễ đáng công sản phải ngưng nghỉ cho dân hưởng thái bình, xây dựng lại những đổ vỡ của chiến tranh, phát triển kinh tế, nâng cao mức sống, chờ đợi một ngày thuận tiện hai Miền Nam Bắc nói chuyện với nhau tiến tới việc thống nhất đất nước trong hoà bình, tự do. Không làm như vậy, cộng sản Bắc Việt đã phát động cuộc chiến thứ hai, quyết xâm lăng Miền Nam, khống chế cả Đông Dương như chúng ta đã biết. Thêm hai-mươi năm nội chiến để làm gì ? Để thống nhất đất nước ? Một nguy biện không chấp nhận được vì, cần phải nhấn mạnh cho những người còn tin ở nguy biện này, thống nhất chỉ là và phải là kết quả của một tiến trình thương thảo giữa hai Miền Nam Bắc, một công cuộc chính trị, một sự đồng thuận giữa hai bên trong những điều kiện không thiệt hại cho một bên nào để từ đây thực hiện một công thức quản trị duy nhất cho quốc gia, một chính quyền chung cho cả nước. Không làm như vậy mà dùng vũ lực, gây nên cả một cuộc chiến tranh thì hoàn toàn không phải là một sự thống nhất trong ý nghĩa đúng đắn của sự kiện lịch sử này mà chỉ là một cuộc xâm lăng trắng trợn. Đảng cộng sản Việt Nam đang mang trên mình bản án nặng nề nhất của lịch sử. Họ phải rút ra từ tội lỗi lớn lao của họ một bài học cho chính họ để tạ tội với quốc dân thay vì tiếp tục chính sách dối trá lường gạt đồng bào trong và ngoài nước. Từ bài học quá đắt giá này, tôi mong người cộng sản Việt Nam sẽ biết phục thiện để đi vào con đường chung của dân tộc. Họ cần hiểu rằng quyền hành họ đang nắm giữ chỉ là một quả bóng bay mà một cơn gió thoảng mùa hè có thể tách rời khỏi tay họ.

C- Từ Đồi Đồi Đến Đồi Mới : 1975 – 1986 Và Tiếp Theo

Từ Đồi Đồi Đến Đồi Mới.

Trưa ba mươi tháng tư 1975, đoàn chiến xa của Hồng quân Nga Sô viện trợ cho cộng sản Bắc Việt tiến vào thủ đô Sài Gòn và chạy thẳng tới dinh Độc Lập tức phủ Tổng Thống của Việt Nam Cộng Hoà. Thủ đô Miền Nam đã bỏ ngõ từ chiều hôm trước. Cuộc chiến tranh dài nhất thế kỷ vừa chấm dứt. Hoà bình trở lại trên một đất nước được sự thương cảm của thế giới bởi những hy sinh không kể xiết

của một dân tộc vừa thoát khỏi một cuộc chiến tranh dài nhất thế kỷ : ba- mươi năm. Nhưng thế giới đã không nhìn xa hơn. Ít ai nhận thấy tai ương sắp xảy ra cho dân tộc Việt Nam bất hạnh này. Hầu hết đều muốn ra đi vì họ biết một cuộc đổi đời sắp xảy ra. Đúng vậy, bắt bớ, giam cầm, tù đày, cải tạo, cướp nhà, cướp của đồng loạt và liên tục xảy ra khắp nơi. Miền Nam đã vậy trong lúc dân chúng Miền Bắc thất vọng, bao nhiêu mong ước Miền Nam ra giải thoát cho họ bỗng chốc bốc thành mây khói ! Chỉ trong vòng vài tháng, nửa triệu người bị lừa vào các trại cải tạo, hơn một trăm ngàn người vào các nhà tù, hơn một triệu người « đi » kinh tế mới, bỏ lại cho Đảng cho Nhà Nước nhà cửa, tài sản của mình. Chính sách kinh tế xã hội chủ nghĩa tập trung các phương tiện sản xuất trong tay Nhà Nước, quốc hữu hóa tất cả các xí nghiệp tư doanh trước đây, triệt hạ thành phần « tư sản mại bản »... đã lạnh chónng tê liệt hóa nền kinh tế vốn tương đối thịnh vượng của Miền Nam, đến mức mọi người phải ăn đói, bữa có bữa không ! Rõ ràng là một cuộc đổi đời đang được thực hiện. Thế giới bên ngoài đã bắt đầu theo dõi tình hình bi thảm đang diễn ra tại Miền Nam Việt Nam cùng lúc với những vụ vượt biên, vượt biển, vượt cả đại dương của hàng trăm ngàn người mà một số lớn đã tử nạn dọc đường hay bị cướp biển hãm hại. Lương tâm nhân loại bắt đầu xúc động. Một số nhân vật Tây phương đã hết lời ca ngợi cuộc giải phóng Miền Nam, thống nhất nước Việt Nam, đã tỉnh ngộ, bắt đầu hối hận về sự lầm lạc của mình như nhà triết học Jean Paul Sartre. Cuộc trắc nghiệm các chính sách mới của chế độ mới từ 1975 đã hoàn toàn thất bại. Từ Mạc tư Khoa, Gorbatchek đã cho Hà Nội biết Nga Sô không thể tiếp tục viện trợ cho Việt Nam nữa. Tập đoàn lãnh đạo cộng sản hiểu rằng đã đến lúc phải đoạn tuyệt với chủ nghĩa, giáo điều, tất cả, để thoát ra khỏi cái mớ chôn mà họ đã tự đào lên để tự chôn mình và chôn luôn cả dân tộc. Đã đổi đời, bây giờ phải đổi mới! Đại Hội Cộng đảng thứ sáu họp tháng 12,1986 quyết định từ bỏ kinh tế xã hội chủ nghĩa, áp dụng kinh tế thị trường, được ráp thêm cái đuôi « theo định hướng xã hội chủ nghĩa » để níu kéo lại một số đặc quyền của Nhà Nước, duy trì nhiều xí nghiệp quốc doanh và cũng để vớt vát thể diện bị tiêu hao nặng nề bởi sự trở cờ 180 độ. Chính sách đổi mới kéo theo những thay đổi trong các chính sách áp dụng lên nay trong nông nghiệp, kỹ nghệ, thương mại, hủy bỏ nhiều sự kiểm soát trong sự lưu thông, phân phối hàng hóa sản xuất, cho phép hưởng lợi cá nhân, phát triển các dịch vụ. Những

luật lệ đầu tiên về đầu tư dành cho người ngoại quốc được ban hành lôi cuốn nhiều doanh nhân các nước ngoài đổ tới nghiên cứu thị trường, khởi sự hoạt động. Việt kiều ở hải ngoại bắt đầu về thăm quê hương, và càng ngày càng đông, đem về nhiều ngoại tệ. Nhưng « đổi mới » chỉ giới hạn trong lãnh vực thuần túy kinh tế. Chính trị vẫn như trước nghĩa là vẫn độc đảng, độc trị. Và « đổi mới » tạo nên những vấn đề mới trên phương diện xã hội. Mọi người chen chúc nhau, xô đẩy nhau để làm tiền, để kiếm sống, để làm giàu, bằng mọi cách, không còn phân biệt điều tốt, điều xấu. Một xã hội thả lỏng, các giá trị tinh thần, đạo lý, đạo đức không còn được ai nhắc nhở đến nữa. Từ trên xuống dưới, từ cấp lãnh đạo cao nhất cho đến cán bộ thấp nhất, mọi người thi nhau làm tiền một cách trắng trợn. Tệ nạn tham nhũng được hệ thống hóa, lan tràn khắp nơi, từ trung ương đến địa phương, trong chính quyền, trong quân đội, trong các công ty quốc doanh, ở bất cứ nơi nào có thể kiếm ra tiền. Trong lúc nhờ tham nhũng, một giai cấp mới, tư bản đỏ và tư sản đỏ, được thành hình và phát triển nhanh chóng thì đại đa số dân chúng ở ngoài vòng ảnh hưởng trực tiếp của « đổi mới » hoặc ở nông thôn xa xôi không tiếp cận với các đô thị, các thành phố, tiếp tục nghèo khổ, một số ít được khá hơn phần nào nhưng số đông không có gì thay đổi, chưa kể nhiều gia đình khốn đốn hơn phải bán con, phải để mẹ hay vợ ra đi lao động ở nước ngoài để chổng con ở lại quê nhà. Tỷ lệ trẻ con suy dinh dưỡng đạt mức báo động, số trẻ em bỏ học đạt mức đáng lo ngại. Chưa bao giờ có trong lịch sử một cảnh tương phản xã hội khiêu khích như vậy giữa những nhà giàu hàng chục, hàng trăm triệu Mỹ kim xây dựng tài sản một cách bất chính và những gia đình không kiếm được cái ăn hằng ngày vì không kiếm được việc làm, không được ai giúp đỡ kể cả Nhà Nước Xã Hội Chủ Nghĩa.

Những Bài Học Cho Ai ?

Từ đổi đời đến đổi mới, giai đoạn cuối cùng của lịch sử cận đại, chúng ta có thể rút ra vài bài học cụ thể tiếp giáp ngay với hiện tại trước mắt.

Những người cộng sản trong nước: họ đã tạo nên một cuộc đổi đời, tưởng thực hiện được giấc mơ xã hội chủ nghĩa : một thiên đường ở trần gian. Mười năm sau, họ đã vỡ mộng. Lãnh đạo một

nước không phải là lãnh đạo một cuộc chiến tranh. Xây dựng và kiến tạo không cùng một lãnh vực với xử dụng vũ lực. Một chủ thuyết kinh tế dựa trên sự phủ nhận và bãi bỏ động lực thu lợi cá nhân không thể nào ứng dụng thành công được vì trái với tâm lý tự nhiên của con người luôn luôn muốn làm ra tiền để cải tiến đời sống của mình., một nhu cầu thường xuyên của bất cứ ai. Từ chủ thuyết trên, cộng sản chủ trương làm chung, ăn chung, nghĩa là tập trung các phương tiện sản xuất trong tay tập thể, trong tay Nhà Nước, khiến cho không ai chịu trách nhiệm rõ rệt về thành quả của hoạt động mà ngược lại, ai cũng muốn dành một phần lớn cho mình. Mặt khác, mất quyền sở hữu phương tiện sản xuất của mình, làm việc mà không hưởng được kết quả trọn vẹn của công sức mình, chắc chắn không ai làm việc hết mình. Năng suất thấp, hiệu quả kém là chuyện không tránh được. Số phận của các xí nghiệp Nhà Nước vì vậy đã được an bài . Với kinh nghiệm đắt giá của nền kinh tế xã hội mác-xít, cộng sản đã ôm chầm lấy kinh tế thị trường nhưng, như đã kể, còn rấp thêm cái đuôi tai hại « theo định hướng xã hội chủ nghĩa », làm hỏng phần lớn hiệu quả của chính sách cứu rỗi này. Tóm lại, cần phải cắt gắp cái đuôi tai hại ấy để loại bỏ những ảnh hưởng xấu của nó. Ngoài ra, phải đổi mới chính trị nghĩa là phải thực hiện tiến trình dân chủ hóa , trả lại cho dân các dân quyền và nhân quyền mà không một quyền lực nào có thể tước đoạt mãi mãi được. Phải thành hình một Nhà Nước pháp trị, thượng tôn luật pháp, một hệ thống luật pháp đúng với những tiêu chuẩn của luật pháp văn minh hiện hành trong thế giới chứ không phải một mớ luật lệ, nghị quyết, pháp lệnh phản dân chủ, phản nhân quyền, thủ tiêu các quyền tự do căn bản. Đây là bài học tối quan trọng mà các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam phải rút tĩa từ kinh nghiệm hai-mươi năm qua để áp dụng bây giờ vì lợi ích của quốc gia. dân tộc.

Đồng Bào Trong Nước: Nạn nhân của cuộc đổi đời, đồng bào trong nước đã thoát chết đói nhờ những người bạn củ trở lại kịp thời. Chính sách kinh tế thị trường đã mở đường cho những nhà kinh doanh Âu Á Mỹ Úc lần lần trở lại làm ăn và dọn đường cho đồng bào ở hải ngoại về thăm quê hương đất nước. Thoát chết đói nhưng chưa phải là sống đủ no, đủ ấm, đủ tự do cho tất cả mọi người từ thôn quê đến thành thị. Dân tộc Việt Nam phải được quyền sống xứng đáng như các dân tộc khác trên thế giới văn minh tiến bộ ngày này. Sự chịu đựng nhẫn nhục chỉ có tác dụng khuyến khích lòng

tham quyền cố vị và kéo dài vô hạn định chế độ độc tài đảng trị. Đồng bào phải đứng lên đòi hỏi đảng cộng sản trả lại các quyền tự do, dân chủ cho đồng bào. Dân tộc ta luôn luôn tôn trọng các tín ngưỡng, tôn thờ Thượng Đế, cầu Trời như đấng chí linh, khẩn Phật như đấng siêu phàm, tôn kính tổ tiên, ông bà, tạo nên những truyền thống tốt đẹp mà chúng ta có bốn phen gìn giữ và bảo vệ bằng mọi giá. Luật pháp của chế độ cộng sản vô thần duy vật và con đẻ cuối cùng của nền luật pháp rừng rú ấy, Pháp lệnh về tôn giáo, phải được hủy bỏ. Nơi cửa Phật, nơi Thánh đường, nơi Thánh thất, không ai có quyền xâm phạm, kiểm soát, rình mò, phong tỏa. Việc truyền đạo và hành đạo là một hành động tự do của mọi người, nhà tu hành, giáo sĩ các tôn giáo, người thường dân, bất cứ ai, có thể thực hiện bất cứ nơi nào bởi không có một lý do nào để hạn chế. Tài sản của các giáo hội đã có từ xưa phải được hoàn trả lại vô điều kiện, các sự thất thoát hư hỏng phải được đền bù vì một Nhà Nước, một chính quyền bình thường không thể cướp đoạt tài sản của dân, của một tập thể, nhất là một tập thể tôn giáo mà đặc tính tuyệt đối là vô vụ lợi và có lợi ích công cộng như cả thế giới đã công nhận từ nhiều thế kỷ. Đồng bào phải muôn người như một đòi hỏi, nếu cần thì mạnh dạn tranh đấu, cho tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoàn toàn như vừa trình bày. Và cũng như đã trình bày, đây là cả một vấn đề bao trùm những truyền thống quý báu và tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam chúng ta, không phân biệt lương giáo, không phân biệt tín ngưỡng. Mùa Xuân 2005 này, cuộc tranh đấu bất bạo động thứ ba trong Cộng đồng các quốc gia độc lập do Nga chủ trì cũng đã thắng lợi nhanh chóng và quá dễ dàng. Dân chúng Kyrgyzstan không đến vài ngàn người do đảng đối lập tổ chức để phản đối cuộc bầu cử gian lận đã kéo thêm được người hòa theo ủng hộ la lối, cảnh sát ngăn chặn không cho họ kéo đến trụ sở quốc hội nhưng họ vẫn tiến tới. Không thể đẩy lui đoàn người biểu tình và không muốn sử dụng vũ khí, lực lượng cảnh sát đành để cho dân chúng chiếm quốc hội và cứ thế, đoàn người hồ hởi này kéo đến phủ Thủ Tướng, dinh Tổng Thống. Không có một sự kháng cự nào cả của cảnh sát và quân đội, Tổng Thống đã lạnh chân qua nước ban trốn luôn. Hai vụ tranh đấu trước của dân Ukraine và Georgia, gọi là cách mạng da cam và cách mạng hoa hồng cũng diễn ra gần giống vậy, người dự biểu tình đông hơn và thời gian tranh đấu dài hơn nhưng trong cả ba vụ vừa kể, không có đổ máu, kết quả tốt đẹp. Tại sao ở Việt Nam lại không thể xảy ra như vậy ? Sự sợ hãi không còn lý do tồn tại nữa vì, rất

giản dị, không anh cảnh sát nào, không anh lính nào đại dột xả súng bắn vào dân để, hoặc bị dân nổi giận tràn đến trả thù ngay toi mạng, hoặc mang tội giết người nếu cuộc nổi dậy thành công. Thế giới ngày nay không như thế giới mấy chục năm trước. Không sợ hãi, nhất định thành công.

Đồng Bào Hải Ngoại: Để tránh một cuộc đổi đời, chúng ta đã phải rời quê hương đi tìm một chân trời tự do. Do cuộc đổi mới, thế cùng lực kiệt, cộng sản Việt Nam đã tự động thay đổi qui chế của chúng ta, từ thù địch bỏ nước ra đi thành khúc ruột ngàn dặm Nghị quyết số 36 của cộng sản hàm chứa một sự biến chuyển tư tưởng tương tự, không hơn, không kém, một sự đổi trá tuyệt đối khỏi căn bản công phân tách mỗ xẻ. Về thăm quê hương, thăm cha mẹ già đang mỏi mắt chờ con, không phải là những chuyện đáng trách nhưng nhất định đừng để cho cộng sản xử dụng như những con tin. Ngược lại, một người về thăm quê phải mang theo một thông điệp đầy đủ ý nghĩa của thế giới bên ngoài và của chính cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Thông điệp ấy là đã đến lúc đồng bào chuẩn bị đứng lên đòi hỏi dân chủ, tự do, no ấm. Đồng bào ở bốn phương trời, thế giới khắp nơi sẽ tiếp tay ủng hộ cuộc tranh đấu của đồng bào quốc nội. Ngọn sóng thần dân chủ, tự do đang lăn lượt lôi cuốn những bức màn sắt rét rỉ còn sót lại.



II- NHỮNG TRIỂN VỌNG CỦA TƯƠNG LAI

A- Việt Nam Trong Chính Sách Đối Ngoại Của Hoa Kỳ

Nhiều đồng bào chúng ta ở trong nước cũng như ở hải ngoại, ngay tại Hoa Kỳ, suy đoán tương lai của quê hương qua nhận thức của mình về thái độ của Hoa Kỳ đối với Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Phương pháp suy đoán này không hẳn là không đúng vì một cách tổng quát, ảnh hưởng của Hoa Kỳ đối với những chuyển biến lớn trên thế giới khá rõ rệt. Nhưng không phải là Hoa Kỳ muốn gì cũng được. Và trước hết cần phải tìm hiểu thực sự Hoa Kỳ muốn gì ở Việt Nam trong nhiệm kỳ hai của Tổng Thống Georges W. Bush. Như

chúng ta đã biết, nhà lãnh đạo Hoa Kỳ có tuyên bố ít lâu sau khi được tái cử là ông sẽ hỗ trợ cho các dân tộc đứng lên tranh đấu cho tự do dân chủ của nước họ. Một lời tuyên bố có tính cách chung, không ám chỉ một nước nào nhưng chắc chắn đã làm cho nhiều nước e ngại dù chưa đến nỗi lo ngại. Về vấn đề Việt Nam, ngày 21 tháng 3 vừa qua, Đại sứ Mỹ ở Hà Nội, Michael W. Marine, tiếp xúc với cộng đồng người Việt tại San Francisco. Mục đích, theo tôi nghĩ, vừa là để chuẩn bị cho cuộc viếng thăm trong vài tháng tới của Phan Văn Khải, Thủ Tướng của cộng sản Bắc Việt nhưng quan trọng hơn, vừa gián tiếp cho chúng ta biết những nét chính của chính sách của chính phủ Bush hiện thời. Một sự chuẩn bị như vậy, nói chung, trong cách thức làm việc của bộ ngoại giao các nước không có gì lấy làm lạ. Đối với nội vụ ở San Francisco, bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ phải lo hơn nữa vì Khải muốn đến thăm toà Tổng lãnh sự của chế độ Hà Nội tại đây. Và ai cũng biết tại đây cũng như ở Vùng Vịnh (Bay area) bao quanh, cũng như ở quận Cam (Orange county) ở Nam California, nơi có người Việt đông nhất ở hải ngoại, nhiều thành phố không tiếp các « nhân vật » của cộng sản Việt Nam và cờ vàng ba sọc đỏ của quốc gia Việt Nam vẫn phát phới bay. Bộ Ngoại Giao dưới thời Colin Powell đã bực mình về chuyện này nhưng không làm gì được bởi tính cách tự trị nội bộ của các thành phố dựa trên nguyên tắc phân quyền rộng rãi của Liên bang Hoa Kỳ. Những rục rịch chuẩn bị của đại sứ Mỹ làm cho nhiều đồng bào ta nghĩ rằng ông Bush đã thiên về phía cộng sản Hà Nội. Sự lo ngại này có phần đúng trong lúc này, không phải vì ông Bush thiên về bên nào nhưng vì ông và chính phủ của ông làm việc theo một chương trình hành động trong đó, bên cạnh những vấn đề ưu tiên của Hoa Kỳ (bình định và tái thiết Irak, chống khủng bố trên nội địa Hoa Kỳ và trên toàn cầu, thực hiện lộ trình hoà bình ở Trung Cận Đông, ngăn chặn chương trình chế tạo vũ khí nguyên tử của Iran, của Bắc Hàn, đẩy mạnh công cuộc củng cố chính quyền dân cử Afganistan và tái thiết nước này, vụ rút quân của Syrie khỏi Liban v.v.) còn có những vấn đề chiến lược từng vùng (Thái bình Dương, Âu Châu, Trung Cận Đông) hoặc toàn cầu, và dĩ nhiên trên tất cả, là các vấn đề thiết yếu nội bộ của siêu cường này như năng lượng, an sinh xã hội, thâm thủng ngân sách, thiếu thặng bằng gia tăng của cán cân ngoại thương, tỉ lệ khiếm dụng, nạn chuyển dịch xí nghiệp ra ngoại quốc, tỉ lệ tăng trưởng, tỉ lệ gia tăng vật giá v.v. Trong những vấn đề chiến lược từng vùng của thế giới, nổi bật đặc biệt trong những ngày gần

đây là vấn đề Trung quốc, một vấn đề đã được đặt ra từ hơn nửa thế kỷ nay như đã ghi trên chứ không phải mới mẻ gì nhưng thái độ hung hăng của Bắc Kinh đối với Đài Loan vừa rồi tiếp theo những vụ dành đất, tranh dành các đảo ở biển Nam hải, dành hải phận ở Vịnh Bắc Việt, bắn chết ngư phủ Việt Nam làm cho tình hình trong vùng căng thẳng phần nào và đòi hỏi Hoa Kỳ biểu lộ thái độ một cách rõ rệt hơn. Hà Nội chỉ mong có vậy cũng như nhiều quốc gia ở Đông Á, nơi mà an ninh và hoà bình khó bảo đảm được nếu Hoa Kỳ đứng ngoài cuộc trong lúc hai chế độ cộng sản Trung Hoa và Bắc Hàn đang còn ngự trị trên hai quốc gia này. Từ 1950, một số đầu óc ở Mỹ đã nghĩ đến việc biến ông Hồ Chí Minh thành một Tito ở Á Châu nhưng mọi người đã biết, ông Hồ không bao giờ là Tito mà ngược lại đã nhuộm đỏ cả Đông Dương, thi hành đúng chủ trương bành trướng của quan thầy Staline.. Giờ đây, Hoa Kỳ lại muốn dùng cộng sản Bắc Việt đóng vai trò của Tito một lần nữa, có lẽ vì không có ai khác để làm cái đê ở biên giới phía Nam của Trung Hoa. Chúng ta phải công nhận và cầu mong Hoa Kỳ thực hiện được và tốt chiến lược bao vây (*stratégie d'endiguement*) đắp đê phòng lũ lụt này vì quyền lợi tối thượng của nước ta, một quyền lợi vượt lên trên tất cả những quyền lợi khác chùng nào nước láng giềng vĩ đại của chúng ta chưa được quản trị bởi một chế độ dân chủ, sống hoà điệu với cộng đồng thế giới. Vấn đề thực sự đặt ra cho chúng ta là làm sao chúng tỏ cho Hoa Kỳ hiểu rằng những người Việt không cộng sản, những người Việt yêu chuộng tự do, dân chủ, hiện ở trong nước hay ở ngoài nước, có đầy đủ khả năng, có đầy đủ quyết tâm, có đầy đủ lương tâm và đạo đức, có nhiều hơn tầng lớp lãnh đạo cộng sản hiện thời, tất cả những điều kiện cần thiết để xây dựng một vận hội mới dân chủ, tự do, hoà bình, tiến bộ cho nước Việt Nam và từ đấy, góp phần tích cực và hữu hiệu vào công cuộc bảo vệ an ninh và hoà bình cho Đông Nam Á Châu và Thái Bình Dương. Chúng ta phải cùng nhau cố gắng tạo nên một hình ảnh tốt đẹp của cộng đồng người Việt Nam để xóa bỏ một số định kiến không được tốt đẹp mà một phần dư luận ngoại quốc đang còn lưu giữ từ trong dĩ vãng của chúng ta. Chúng ta phải tranh thủ không ngừng thiện cảm và lòng tin cậy của thế giới, điều kiện tiên quyết của sự hỗ trợ dành cho cuộc tranh đấu cho dân chủ, tự do, cho dân quyền và nhân quyền của dân tộc Việt Nam.

B- Những Triển Vọng

Trước hết chúng ta, ở trong nước cũng như ở ngoài nước, cần phải ý thức một cách sâu sắc và rõ rệt rằng số phận của chúng ta, tương lai của đất nước chúng ta, của quê hương chúng ta, do chính chúng ta định đoạt. Sự hỗ trợ của bạn bè năm châu bốn bể luôn luôn đến sau, để giúp đỡ và tiếp tay cho chúng ta chứ hoàn toàn không phải để thay thế chúng ta. Một thái độ ỷ lại vào người ngoài, vào nước ngoài chỉ mang lại sự khinh rẻ và từ chối của chính những người mà chúng ta chờ đợi họ giúp đỡ. Chúng ta cần mọi sự hỗ trợ từ bên ngoài và chúng ta phải tỏ rõ xứng đáng với những sự hỗ trợ ấy. Triển vọng xấu – Có nghĩa là tình trạng mà chúng ta đang chứng kiến ở quê nhà và tóm lược ở trên sẽ không thuyên giảm và còn có thể tệ hại hơn nữa. Về chính trị, văn độ đảng, độ tài, độ trị. Dân quyền và nhân quyền tiếp tục bị tước đoạt. Nạn tham nhũng càng ngày càng tồi tệ hơn. Bất công xã hội, cách biệt giàu nghèo, sẽ không giảm bớt mà còn gia tăng. Việt Nam vẫn ngồi lì ở vị trí áp chót nghèo nhất thế giới. Bức tranh đen tối này sẽ còn mãi nếu không xảy ra một sự thay đổi toàn diện, thể chế chính trị, cơ cấu công quyền, nhân sự lãnh đạo. Chờ đợi sự thức tỉnh của những người lãnh đạo hiện thời để thực hiện một cuộc cải cách sâu rộng sẽ là một mơ ước hảo huyền. Đất nước sẽ tuột dần xuống vực thẳm. Nếu đồng bào không đứng lên đòi hỏi dân chủ hóa chế độ, trả lại quyền dân cho dân.

Triển Vọng Khá Mơ Hồ: một số người trông đợi ở thời gian. Lớp lãnh đạo lớn tuổi hiện thời sẽ qui tiên. Lớp trẻ hay trung niên có tư tưởng rộng rãi hơn và có nhiều cơ hội tiếp xúc với thế giới văn minh, có trình độ học vấn cao hơn, sẽ thay thế lớp lãnh đạo cũ và chế độ tự nó sẽ biến đổi. Lý luận này không phải là huyền ảo nhưng gần ba mươi năm nay, rồi hai mươi năm nay, rồi mười năm nay, lãnh đạo qui tiên thì có nhưng chế độ xã hội chủ nghĩa vẫn ỳ ra đấy, tham nhũng, thối nát càng tiến mạnh, tiến nhanh! Triển Vọng Sáng Sủa: Chúng ta đang có một triển vọng sáng sủa hơn bao giờ cả vì tình hình trong nước cũng như tình hình thế giới đều thuận lợi cho tiến trình dân chủ hóa Việt Nam. Trong nước, thuận lợi vì trước hết, lòng dân đã chán nản ngoại trừ một thiểu số được hưởng đặc quyền, đặc lợi như đã trình bày. Những nhà trí thức, những cựu đảng viên cao cấp, những cựu tướng tá, nhiều nhà văn, nhà báo đến cả nông dân nhiều nơi, thị dân ở ngay Sài Gòn cũ cũng chỉ trích, đả kích Đảng, Nhà Nước không tiếc lời, thậm chí tấn công cảnh sát, công

an, không còn sợ hãi như trước nữa. Vụ cuối cùng, trong tuần vừa qua ngay tại đại lộ Trần Hưng Đạo, giữa Sài Gòn-Chợ Lớn, bốn trăm người qua đường đã tụ họp nhau đánh cảnh sát, đốt xe chỉ vì một vụ bắt phạt lưu thông không đáng kể, chẳng qua chỉ vì sự dồn nén uất hận lâu ngày. Cảnh sát phải rút lui. Tại tỉnh Thái Bình, nông dân cũng nổi lên đánh lại lực lượng công an trong một vụ phản kháng vì bị cướp đoạt đất đai. Vài vụ vừa kể chỉ để nói lên sự thay đổi từ tâm lý sợ hãi phục tùng đến tâm lý đề kháng nhiều lúc đến bạo động. Và một khi dân chúng đã phần nộ tập hợp thành đám đông và nhân viên công lực không giải tán được nữa thì lúc ấy chế độ không còn ai bảo vệ nữa. Các vụ giải thể các chế độ cộng sản từ Nga Sô đến các nước chư hầu ở Đông Âu, các vụ gọi là cách mạng hoa hồng, da cam, hoa tulipe mới đây tại các Cộng Hoà sô viết của Nga Sô cũ đều đã diễn tiến như vậy. Trước khi sụp đổ, Nga Sô, thành trì và mẫu quốc của Khối Cộng Sản quốc tế, hùng mạnh về quân sự tương đương với Hoa Kỳ, dày đặc một mạng lưới mật vụ, công an, cảnh sát bao trùm cả nước, đã tồn tại bảy-mười-bốn năm và sản xuất ba thế hệ thanh niên quảng khăn đỏ, Nga Sô kiên cố và vĩ đại ấy mà Tây Âu khiếp sợ và Hoa Kỳ không dám thốt một lời cản ngăn khi Hồng quân tràn qua Hung-Gia-Lợi và Tiệp Khắc đè bẹp cuộc nổi dậy của hai dân tộc này, Nga Sô ấy đã tan biến trong khoảnh khắc khi dân chúng ở Moscou đứng lên đòi giải thể chế độ, khi họng súng của một chiến xa đi đầu thay vì nhắm đạn vào đám đông, đã được cắm vào một cánh hoa hồng và những người lính tuổi hai mươi non trẻ đã ôm chầm những người phản kháng, nước mắt tự do tuôn rơi trên má. Các chế độ chư hầu đều cùng một số phận và cùng một lộ trình tương tự ngoại trừ ở Roumanie có máu đổ vì lãnh tụ độc tài cưỡng lại lòng dân nên bị xét xử lạnh chóng để một trang sử được lật qua.

Con đường đi tới tự do càng ngày càng mở rộng cho mọi dân tộc.
Chỉ cần đứng dậy lên đường !

LS. LÊ TRỌNG QUÁT